

Bản án số: 46/2024/DS -ST
Ngày 24 – 4 – 2024
V/v tranh chấp nợ hui và vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST- DS, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp nợ hui và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M - sinh năm: 1966 (có mặt).

Bà Nguyễn Kiều O – sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trương Việt T – sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Bà Quách Thị M1 – sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Vào ngày 06/9/2020 (âm lịch) vợ chồng ông có mở một dây hui loại hui 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Dây hui có 37 chung, ông T, bà M1 tham gia 05 chân. Đã hót 05 chân đóng hui chết đến tháng 3/2023 (âm lịch) thì ngưng. Dây hui này ông T, bà M1 còn thiếu lại 17.500.000 đồng.

Vào ngày 06/9/2020 (âm lịch) vợ chồng ông có mở một dây hui loại hui 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Dây hui có 36 chung, ông T, bà M1 tham

gia 01 chân. Đã hốt và đóng hụi chết đến tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này ông T, bà M1 còn thiếu lại 7.000.000 đồng.

Vào ngày 19/4/2021 âm lịch ông bà có mở một dây hụi loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi có 39 chung, ông T, bà M1 tham gia 03 chân. Đã hốt 03 chân đóng hụi chết đến tháng 3/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này ông T, bà M1 còn thiếu lại 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông T, bà M1 còn thiếu lại 49.500.000 đồng sau đó bà M1 có trả cho vợ chồng bà 5.200.000 đồng. Số tiền hụi ông T, bà M1 còn nợ lại 44.300.000 đồng.

Vào ngày 01/4/2022 ông T và bà M1 có hỏi vay của ông 100.000.000 đồng khi vay có làm biên nhận. Biên nhận do vợ chồng bà M1, ông T làm và ký tên vào biên nhận.

Nay ông yêu cầu ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 trả lại số tiền hụi 44.300.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 phải trả cho ông bà là 144.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều O trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông M, bà không bổ sung gì thêm.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/11/2023, bị đơn bà Quách Thị M1 trình bày:

Vợ chồng bà có tham gia 09 chân hụi đúng như ông M, bà O trình bày. Nhưng số tiền hụi bà hốt được chỉ có 01 chân hụi loại hụi 500.000 đồng khui ngày 06/9/2020 số tiền nhận được 7.000.000 đồng. 08 chân còn lại ông M, bà O trừ dần vào số tiền mượn 100.000.000 đồng. Bà đã đóng cho ông M và bà O 159.000.000 đồng tiền hụi và ông M, bà O lấy võ máy của ông bà tính giá trị 5.000.000 đồng.

Năm 2020 bà có hỏi mượn của ông M, bà O số tiền 100.000.000 đồng, lãi 10%, mỗi tháng đóng lãi 10.000.000 đồng. Nhưng bà đóng không đúng hạn số tiền lãi đã đóng là 112.000.000 đồng. Biên nhận ngày 01/4/2022 là do bà làm và vợ chồng bà ký vào biên nhận này. Việc giao dịch hụi và mượn tiền điều có sự tham gia của hai vợ chồng bà. Đối với các biên nhận nợ ông M cung cấp vợ chồng bà có ký tên vào biên nhận vào các ngày 17-10-2020; 17-10-2020; 10-5-2022; 30-3-2022; 17-4-2022; 19-10-2022; 16-6-2021 tất cả chữ ký điều là của vợ chồng bà. Tuy nhiên chỉ ký tên hợp thức hóa giấy tờ thực chất vợ chồng bà không có nhận tiền. Thực tế chỉ nhận tiền 01 chân duy nhất với số tiền 7.000.000 đồng. Đối với dây hụi ngày 06/9/2020 (06 chân) mỗi tháng bà đóng hụi chết 3.500.000 đồng, đã đóng được 34 lần, với số tiền 119.000.000 đồng. Đối với dây hụi ngày 19/4/2021 (03 chân) mỗi tháng đóng 1.500.000 đồng đã đóng được 28 lần, với số tiền 42.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 144.300.000 đồng bà không

đồng ý vì bà đã đóng tiền hụi và tiền lãi quá nhiều với số tiền đã đóng là 276.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả tiếp cho vợ chồng ông M, bà O

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M1, ông T trả lại số tiền còn thiếu là 144.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa bị đơn bà Quách Thị M1 thừa nhận thực tế có xảy ra giao dịch hụi và nợ như nguyên đơn trình bày nhưng bà chỉ thống nhất trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 44.300.000 đồng. Không đồng ý trả cho ông M, bà O số tiền vay 100.000.000 đồng vì bà cho rằng bà đã trả lãi được 112.000.000 đồng, nhiều hơn số tiền đã vay nên không đồng ý trả tiếp cho ông M, bà O.

Đối với ông Trương Việt T đã được thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O. Mặt khác ông Trương Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trương Việt T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O nộp đơn khởi kiện ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau yêu cầu trả tiền nợ hụi và tiền vay còn thiếu. Như vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp nợ hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Kiều O về việc yêu cầu ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 trả số tiền hụi là 44.300.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông M, bà O và bà M1 đều thống nhất xác định: Vợ chồng ông Lê Văn M, bà Nguyễn Kiều O là chủ hụi tại địa phương. Vợ chồng bà M1, ông T là hụi viên đã tham gia tổng cộng 09 chân hụi ở các dây hụi như sau:

Dây hụi ngày 06/9/2020 (âm lịch) hụi loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi có 37 chung, ông T, bà M1 tham gia 05 chân. Dây hụi vào ngày 06/9/2020 (âm lịch) loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi có 36 chung, ông T, bà M1 tham gia 01 chân. Dây hụi vào ngày 19/4/2021 (âm lịch) loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi có 39 chung, ông T, bà M1 tham gia 03 chân. Tổng tất cả 09 chân hụi bà M1, ông T đã hốt hụi và còn nợ lại tiền hụi chết chưa đóng là 44.300.000 đồng. Đối với các biên nhận về việc hốt hụi ông M cung cấp vợ chồng bà M1 có ký tên vào biên nhận vào các ngày 17-chạp-2020; 17-10-2020; 10-5-2022; 30-3-2022; 17-4-2022; 19-10-2022; 16-6-2021 tất cả chữ ký điều là của vợ chồng bà M1 ký vào biên nhận và bà M1 đã thừa nhận việc chữ ký, chữ viết trong các biên nhận là của bà và chồng bà. Đây là tất cả những tình tiết mà các đương sự đã thừa nhận không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Và tại phiên tòa bà M1 thống nhất với số nợ hụi còn thiếu là 44.300.000 này và đồng ý trả lại cho ông M, bà O số tiền nợ hụi còn thiếu là 44.300.000 đồng.

Đối với số tiền vay ông Lê Văn M, bà Nguyễn Kiều O yêu cầu bà Quách Thị M1 và ông Trương Việt T trả lại 100.000.000 đồng. Ông M, bà O cung cấp biên nhận ngày 01/4/2022 ông T, bà M1 có ký tên vào biên nhận. Bà M1 trình bày biên nhận ngày 01/4/2022 là do vợ chồng bà ký tên vào. Nhưng thực tế tiền bà vay từ năm 2020 nhưng đến ngày 01/4/2022 mới làm biên nhận hợp thức hóa giấy tờ. Trước đó bà đã phải đóng lãi hàng tháng với lãi suất 10%, số tiền bà đóng được là 112.000.000 đồng. Bà cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 tờ lịch ghi các dãy số “13.000; 20.000; 10.000; 8.000; 6000; 18.000; 20.000; 5.0000; 12.000; 112.000.000; 1120000”. Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu mà bà M1 cung cấp chỉ là một dãy số, không có ngày tháng? Không có ghi cụ thể giao dịch gì? Nếu cộng các số lại với nhau cũng không thể ra con số 112.000.000 đồng như bà M1 trình bày. Một mảnh giấy ghi các con số không đầy đủ, không có chủ thể, không thể hiện nội dung hay mục đích của dãy số này là gì nên không được chấp nhận là căn cứ để chứng minh ông M, bà O đã nhận số tiền 112.000.000 đồng từ bà M1, ông T. Ngoài ra bà M1 không còn bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc bà đã trả xong số tiền 100.000.000 đồng cho ông M, bà O. Như vậy có cơ sở xác định bà M1, ông T nợ tiền ông M, bà O đến nay chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa bà M1 trình bày việc chơi hụi và vay tiền thì vợ chồng bà điều biết, nay ông T đi làm ăn nên vắng mặt tại phiên tòa, vợ chồng bà vẫn còn sống chung, quan hệ hôn nhân của ông T và bà M1 vẫn đang tồn tại, ông T có biết việc ông M, bà O khởi kiện nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông M, bà O với ông T, bà M1 có xảy ra giao dịch hụi và vay tài sản trên thực tế. Trên cơ sở trình bày của các đương sự thì có căn cứ xác định số tiền nợ hụi 44.300.000 đồng và

số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông T, bà M1 còn nợ lại ông M, bà O là 144.300.000 đồng là nợ chung của ông T và bà M1. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Kiều O đối với ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1. Buộc ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O số tiền còn nợ là 144.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 471 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất của số tiền 144.300.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 144.300.000 đồng với số tiền án phí 7.215.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O không phải chịu án phí. Ông Lê Văn M đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 3.607.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009553 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O đối với ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1.

Buộc ông Trương Việt T và bà Quách Thị M1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Kiều O số tiền nợ là 144.300.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày ông M, bà O có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T và bà M1 chậm thi hành khoản tiền hụi nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông **Trương Việt T** và bà **Quách Thị M1** phải chịu án phí với số tiền án phí 7.215.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông **Lê Văn M** và bà **Nguyễn Kiều O** không phải chịu án phí. Ông **Lê Văn M** đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 3.607.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009553 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân

